

Số: 80/2019/ QĐST-DS

Bù Đăng, ngày 29 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 216/2019/ TLST - DS ngày 27/9/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N; Sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Văn B; sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Lê Bá L; sinh năm 1978

Cao Thị M; sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Bị đơn vợ chồng ông Lê Bá L và bà Cao Thị M đồng ý trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền 469.000.000đồng tiền gốc và 150.000.000đồng tiền lãi tính đến ngày 15/4/2024. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 619.000.000đồng (Sáu trăm mười chín triệu đồng).

Thời hạn giao tiền chia làm các đợt cụ thể:

Đợt 1: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/11/2019 (DL)

Đợt 2: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/12/2019 (DL)

Đợt 3: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/01/2020 (DL)
Đợt 4: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/02/2020 (DL)
Đợt 5: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/3/2020 (DL)
Đợt 6: trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 15/4/2020 (DL)
Đợt 7: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/5/2020 (DL)
Đợt 8: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/6/2020 (DL)
Đợt 9: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/7/2020 (DL)
Đợt 10: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/8/2020 (DL)
Đợt 11: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/9/2020 (DL)
Đợt 12: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/10/2020 (DL)
Đợt 13: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/11/2020 (DL)
Đợt 14: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/12/2020 (DL)
Đợt 15: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/01/2021 (DL)
Đợt 16: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/02/2021 (DL)
Đợt 17: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/03/2021 (DL)
Đợt 18: trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 15/4/2021 (DL)
Đợt 19: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/5/2021 (DL)
Đợt 20: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/6/2021 (DL)
Đợt 21: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/7/2021 (DL)
Đợt 22: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/8/2021 (DL)
Đợt 23: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/9/2021 (DL)
Đợt 24: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/10/2021 (DL)
Đợt 25: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/11/2021 (DL)
Đợt 26: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/12/2021 (DL)
Đợt 27: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/01/2022 (DL)
Đợt 28: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/02/2022 (DL)
Đợt 29: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/3/2022 (DL)
Đợt 30: trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 15/4/2022 (DL)
Đợt 31: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/5/2022 (DL)
Đợt 32: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/6/2022 (DL)
Đợt 33: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/7/2022 (DL)
Đợt 34: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/8/2022 (DL)
Đợt 35: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/9/2022 (DL)
Đợt 36: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/10/2022 (DL)
Đợt 37: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/11/2022 (DL)
Đợt 38: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/12/2022 (DL)
Đợt 39: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/01/2023 (DL)
Đợt 40: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/02/2023 (DL)

Đợt 41: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/3/2023 (DL)
Đợt 42: trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 15/4/2023 (DL)

Đợt 43: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/5/2023 (DL)

Đợt 44: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/6/2023 (DL)

Đợt 45: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/7/2023 (DL)

Đợt 46: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/8/2023 (DL)

Đợt 47: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/9/2023 (DL)

Đợt 48: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/10/2023 (DL)

Đợt 49: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/11/2023 (DL)

Đợt 50: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/12/2023 (DL)

Đợt 51: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/01/2024 (DL)

Đợt 52: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/02/2024 (DL)

Đợt 53: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/3/2024 (DL)

Đợt 54: trả số tiền 8.380.000đồng chậm nhất vào ngày 15/4/2024 (DL)

Sau ngày 15/4/2024 nếu bị đơn ông Lê Bá L và Cao Thị M không trả hoặc trả không đủ thì bà Nguyễn Thị N phải chịu lãi suất theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Đến thời hạn trả tiền nếu bị đơn ông Lê Bá L và Cao Thị M không trả tiền hoặc trả không đủ tiền thì bà Nguyễn Thị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền trên chậm trả.

2.2. Về án phí: Số tiền án phí của vụ án là 14.380.000 đồng bị đơn bị đơn ông Lê Bá L và Cao Thị M nhận nộp. Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng 12.450.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0009733 ngày 27/9/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện Bù Đăng;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

ĐIỀU THỊ HẠNH

